

CHƯƠNG TRÌNH “THÁNG TÌM HIỂU VIỆT NAM TRONG TPP”

SEMINAR CHUYÊN ĐỀ 6

TPP – CƠ HỘI NÀO CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VIỆT NAM?

Người trình bày: **Ths. Nguyễn Phương Lam**¹

Ngày: 29/03/2016

Mở đầu phần trình bày, Ths. Nguyễn Lam đã gây ấn tượng với các khách mời có những chia sẻ khá thú vị về lịch sử hình thành TPP. Theo Ths. Phương Lam, TPP là hiệp định thương mại xuất phát từ 4 quốc gia ban đầu là Brunei, Chile, New Zealand, Singapore. Hiệp định TPP4 bao gồm 20 chương có hiệu lực từ 2006, Việt Nam ủng hộ sáng kiến này từ 2008, bắt đầu đàm phán tích cực từ 2010. Từ tháng 12/2009, TPP bắt đầu được dẫn dắt bởi Hoa Kỳ. Theo Ths. Phương Lam, đặc điểm của TPP là một hiệp định phức tạp, hợp tác đa phương, song thỏa thuận lại dựa trên đàm phán song phương, tức là khi TPP có hiệu lực thì không có nghĩa là Việt Nam ưu đãi dòng thuế cho một quốc gia nào thì quốc gia khác cũng có hiệu lực tương tự. Điều đó cũng có nghĩa khối lượng thông tin tài liệu cho TPP tương đối đồ sộ, lên đến vài ngàn trang. Với khối lượng thông tin nhiều như thế thì không ai có thể am hiểu hết toàn bộ TPP kể cả những doanh nghiệp lớn. Ngoài trừ, những hiệp hội, ngành hàng hoạt động trong những phân khúc rất cụ thể thì mới có thể am hiểu tương đối rõ được.

Vòng đàm phán TPP kết thúc vào năm 2015 ở Atlanta. Sau đó đầu tháng 2/2016 các thành viên bắt đầu ký kết. Câu hỏi đặt ra là khi nào thì thỏa thuận TPP có hiệu lực? Theo Ths. Nguyễn Phương Lam, để TPP có hiệu lực thì một trong 2 điều kiện như sau phải được thỏa mãn (1) tất cả 12 nước thành viên thông qua, (2) Nếu các quốc gia nội khối có GDP >85% tổng GDP của 12 nước trong TPP thông qua thì TPP xem như thông qua. Như vậy điều kiện (1) rất khó xảy ra vì mỗi quốc gia có một cơ chế lập pháp khác nhau và rất có thể là quốc hội của 12 nước không đồng thời thông qua TPP. Tuy nhiên, đối với điều kiện 2 thì khả năng TPP có hiệu lực sẽ cao hơn

¹VCCI Cần Thơ.

vì nếu chỉ cần Hoa Kỳ và Nhật Bản (cả 2 nước này có GDP khoảng 80% tổng GDP của 12 nước trong TPP) đồng ý tham gia thì TPP chính thức được áp dụng. Ths. Nguyễn Phương Lam cho rằng về phía Hoa Kỳ, quốc gia này rất muốn TPP có hiệu lực vì TPP sẽ là công cụ giúp Hoa Kỳ gây ảnh hưởng lên khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Bên cạnh đó, Nhật Bản, một đối tác được hậu thuẫn bởi Hoa Kỳ, cũng được dự báo sẽ ủng hộ đồng minh của mình. Vì vậy giới chuyên gia dự đoán rằng do khả năng Quốc hội của Hoa Kỳ và Nhật Bản thông qua TPP là rất cao nên việc TPP chính thức có hiệu lực sẽ chỉ là vấn đề thời gian (dự kiến cuối năm 2017). Về phía Việt Nam, chính phủ đã yêu cầu các bộ có liên quan đến 20/04/2016 phải hoàn tất những đề án trình Quốc hội phê chuẩn. Tuy nhiên, Ths. Nguyễn Phương Lam nhận định rằng quan điểm của chính phủ Việt Nam tương đối thận trọng và chờ kết quả từ các quốc gia khác trước khi đệ trình quốc hội phê duyệt. Ngoài ra, TPP có 2 điểm khác so với những hiệp định thương mại trước đây đó là (1) Xây dựng qui chuẩn chung về môi trường xây dựng chính sách, như môi trường đầu tư, qui định mua sắm công, v.v... (2) đi sâu vào thay đổi thể chế của các nước thành viên, ví dụ như quyền lập hội của người lao động. Như vậy bên cạnh các vấn đề kinh tế có thể có thêm nhiều vấn đề về an ninh chính trị.

Một vấn đề nữa là TPP có quy định xuất xứ nội khối, điểm này khác biệt với các hiệp định thương mại khác. Theo Ths Nguyễn Phương Lam, mục tiêu của qui định này là gia tăng sự gắn kết giữa các thành viên trong TPP. Theo đó, bất kỳ một mặt hàng nào nếu không sử dụng nguyên liệu đầu vào có xuất xứ từ các quốc gia nội khối thì không thể hưởng được những ưu đãi của TPP. Trong bối cảnh ngành dệt may của Việt Nam thì qui định này sẽ có tác động giảm phụ thuộc Trung Quốc về các nguyên liệu đầu vào như vải, sợi, thuốc nhuộm. Tuy nhiên, Ths. Lam cho rằng các doanh nghiệp Trung Quốc cũng không ngồi yên mà sẽ có hành động phù hợp như mở rộng đầu tư sang Việt Nam và các nước thành viên TPP vì khi đó hàng hóa sản xuất ra sẽ có xuất xứ tại Việt Nam và nhận được ưu đãi của TPP. Ngoài ra cũng nên lưu ý rằng TPP không đưa ra một khung thuế chung áp dụng cho mọi quốc gia thành viên mà mỗi quốc gia thành viên sẽ có những thỏa thuận song phương với nhau nhằm đưa ra qui định mức thuế sẽ áp dụng. Hiện tại, Ths. Lam cho rằng Nhật Bản là quốc gia có nhiều ưu đãi nhất cho Việt Nam. Ước tính khoảng 95% dòng thuế áp dụng cho hàng hóa Việt Nam sẽ giảm về gần bằng không sau khi TPP có hiệu lực. Tuy nhiên, các quốc gia khác như Mỹ hay Canada thì các dòng thuế có thể sẽ không giảm ngay mà có lộ trình từ 5 năm đến 15 năm.

Trong 12 nước TPP, có 6 nước phát triển và 6 nước đang phát triển. Hoa Kỳ là quốc gia dẫn đầu (chiếm 73% GDP, 51% xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ trong số TPP12). Việt Nam là quốc gia nghèo nhất, với GDP bình quân đầu người thấp nhất. Điều đó cũng có nghĩa là sức mua của Việt Nam cũng thấp nhất trong khối TPP. Vì vậy, việc Hoa Kỳ hay Nhật Bản đàm phán với Việt Nam có thể không phải vì mục tiêu thương mại mà là những mục tiêu địa chính trị khác. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là Hoa Kỳ không quan tâm đến những lợi ích thương mại khi đàm phán TPP với các nước khác. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Hoa Kỳ mong muốn giảm bớt thuế suất đối với sản phẩm gia cầm. Hiện tại gia cầm của Hoa Kỳ phải chịu mức thuế suất trung bình 40% khi xuất sang các nước TPP. Ở lĩnh vực thế mạnh khác, công nghiệp ô tô, Hoa Kỳ cũng kỳ vọng tương tự. Ở Việt Nam, linh kiện ô tô khi nhập khẩu phải chịu thuế suất 27%, chưa kể các vấn đề thuế khác. Khi gia nhập TPP, thuế suất này sẽ giảm còn 5%-10% => giúp công ty ô tô của Hoa Kỳ cạnh tranh hơn với EU.

Bên cạnh đó, Ths. Lam cũng đưa ra một số dự báo về những khó khăn của doanh nghiệp Việt Nam có thể đương đầu khi TPP có hiệu lực. Đối với ngành sữa, Úc và New Zealand sẽ yêu cầu Việt Nam phải mở cửa ngành sữa vì đây là ngành thế mạnh của 2 quốc gia này. Ths. Lam cho rằng nếu TPP có hiệu lực thì các công ty sữa Việt Nam không thể cạnh tranh được. Đối với ngành dệt may, đây là ngành có thế mạnh của Việt Nam, nhưng Việt Nam sẽ gặp vấn đề xuất xứ nội khối vì hầu hết các nguyên phụ liệu đều nhập từ những nước ngoài khối TPP. Theo thống kê của Hiệp hội Dệt May Việt Nam, trên 70% nguyên liệu của ngành dệt may có xuất xứ từ Trung Quốc, phần còn lại đến từ Đài Loan và Hàn Quốc. Cả 3 quốc gia này là những nước đứng đầu trên thế giới về việc cung cấp nguyên phụ liệu dệt may, thế nhưng vấn đề là 3 quốc gia này không nằm trong TPP. Mặt khác, theo thông tin Ths. Phương Lam cung cấp một trong những mục tiêu hàng đầu mà Việt Nam cần phải đạt được là cần phải đạt được những thỏa thuận có lợi nhằm thúc đẩy ngành dệt may và da giày Việt Nam phát triển. Định hướng này bắt nguồn từ những lý do sau (1) Việt Nam có thế mạnh ngành dệt may và da giày (hiện nằm trong Top 5 thế giới), (2) giải quyết lao động và việc làm rất lớn, (3) bảo vệ giai cấp công nhân. Dự kiến sau khi gia nhập TPP, ngành da giày của Việt Nam sẽ có sự phát triển vượt bậc.

Theo Tổng cục thống kê, năm 2015 Việt Nam có 370 000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động. Con số này có giảm so với năm 2013, 2014 do suy giảm kinh tế. Một điều đáng chú ý là trong 370000

doanh nghiệp thì có đến 95% doanh nghiệp vừa và nhỏ² (SMEs). Trong 95% doanh nghiệp SMEs thì có đến 65% doanh nghiệp siêu nhỏ. Về giá trị sản xuất, Ths. Phuong Lam cho rằng các doanh nghiệp SMEs đã giải quyết 50% việc làm trên cả nước, tạo ra 45% GDP của Việt Nam, nhưng chỉ chiếm 17% tổng kim ngạch xuất khẩu. Số liệu này cho thấy là SMEs Việt Nam chỉ loay hoay giải quyết nhu cầu trong nước, chưa tạo ra một liên kết chuỗi trong dây chuyền sản xuất toàn cầu. Với qui mô nhỏ như thế, một câu hỏi được đặt ra là liệu SMEs của Việt Nam có thể đương đầu với những thách thức khi Việt Nam gia nhập TPP hay không? Theo Ths Phuong Lam, để thúc đẩy sự phát triển của các SMEs, kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy cần phải có 2 điều kiện sau (1) điều kiện chính sách, tức nhà nước phải lựa chọn ngành phát triển chiến lược và tạo một khung chính sách ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp SMEs tham gia (2) điều kiện thị trường, tức thị trường phải có doanh nghiệp đứng đầu làm nhiệm vụ dẫn dắt và kéo doanh nghiệp SMEs phát triển. Ths Phuong Lam cho rằng ở Việt Nam cả 2 điều kiện này đều thiếu. Ví dụ như nói về việc phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính phủ Việt Nam trong những năm qua cũng có rất nhiều thông tư, chỉ thị hướng dẫn và khuyến khích các doanh nghiệp SMEs trẻ phát triển lĩnh vực này. Tuy nhiên, khi các SMEs trẻ đi vào thực tế thì gặp rất nhiều khó khăn. Tình trạng tương tự trong hầu hết các lĩnh vực khác như công nghệ sinh học và nông nghiệp. Trong lĩnh vực nông nghiệp, mặc dù Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp nhưng dường như không có bất kỳ doanh nghiệp nào mong muốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước.

Một đặc điểm nữa của các SMEs Việt Nam đó là các SMEs tham gia vào chuỗi giá trị rất thấp. Ví dụ như khi Samsung, Toyota đầu tư tại Việt Nam thì chỉ có 2 doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia cung cấp linh phụ kiện. Cũng phải nói thêm rằng các doanh nghiệp Việt Nam khi đó chỉ có thể cung cấp những thiết bị giản đơn, hàm lượng kỹ thuật không cao. Trong báo cáo phát triển của ADB năm 2013 cho thấy ở bình diện quốc gia, Việt Nam có khoản hơn 21% SMEs tham gia vào các chuỗi sản xuất nhưng với chức năng chính là gia công và lắp ráp, trong khi đó Thái Lan và Malaysia có đến 60% doanh nghiệp SMEs tham gia chuỗi sản xuất.

Theo nhận định của Ths. Phuong Lam, Việt Nam không thể thoát được TPP vì đã kết thúc đàm phán và ký kết tham gia, vấn đề còn lại là thời gian. Sẽ không quá 2 năm để có hiệu lực, một số

²Theo định nghĩa của Bộ tài chính, doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp có vốn từ 5- 10 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có vốn dưới 1 tỷ đồng và có dưới 10 lao động.

mặt hàng sẽ có 5 năm, một vài trường hợp đặc biệt có thể lên đến 10 năm. Như vậy nói chung, các doanh nghiệp Việt Nam khoảng 7 năm để chuẩn bị thay đổi. Liên quan đến các doanh nghiệp SMEs, chính phủ các nước đều có sự quan tâm nhất định đến SMEs vì vậy trong TPP có 1 chương qui định SMEs. Theo đó, một Ủy Ban riêng dành cho SMEs được thành lập. Mục tiêu của Ủy ban này nhằm để trao đổi thảo luận và hỗ trợ SMEs phát triển. Ủy ban cũng xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ SMEs được đặt ở New Zealand, trong 1 năm các quốc gia thành viên sẽ phải gửi thông tin cập nhật và tất cả vấn đề chính sách phát triển SMEs ở các nước đều công khai. Mặc dù SMEs nhận sự ưu tiên của các chính phủ nhưng khi tranh chấp xảy ra SMEs sẽ không có ưu tiên nào trong giải quyết các tranh chấp. Theo Ths. Phương Lam, mặc dù TPP yêu cầu thành lập Ủy Ban SMEs nhưng Ủy Ban này chỉ mang tính chung chung, không có chính sách hỗ trợ cụ thể. Điều đó cho thấy SMEs không có bất kỳ hưởng lợi nào khác, hay nói cách khác SMEs phải cạnh tranh sòng phẳng với các doanh nghiệp lớn.

Theo dự đoán của Ths. Phương Lam, khi Việt Nam gia nhập TPP thì sẽ có 2 thách thức mà doanh nghiệp Việt Nam phải giải quyết là (1) vấn đề hưởng lợi từ nhà nước (2) sở hữu trí tuệ và môi trường. Đối với vấn đề (1) Ths. Phương Lam cho rằng không ảnh hưởng nhiều đến SMEs vì hầu hết các SMEs không nhận sự hỗ trợ của chính phủ. Riêng vấn đề (2) được dự đoán là có tác động đáng kể. Ví dụ liên quan đến vấn đề sở hữu trí tuệ, hiện tại hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam không trả tiền bản quyền sử dụng hệ điều hành Windows. Tuy nhiên khi gia nhập TPP các doanh nghiệp SMEs có thể bị khởi kiện nếu tiếp tục sử dụng phần mềm không có bản quyền. Nếu chúng ta biết là mỗi bản quyền của hệ điều hành Windows có giá 300USD thì chi phí bản quyền của tất cả các SMEs ở Việt Nam sẽ cực lớn. Một điểm đáng quan tâm khác là vấn đề môi trường, hiện tại hầu hết các doanh nghiệp SMEs đều không trả phí môi trường, tuy nhiên sau khi Việt Nam gia nhập TPP, các SMEs sẽ phải cân nhắc khoản phí này nếu không muốn bị khởi kiện. Cụ thể hơn, Ths. Phương Lam đã đưa ra một ví dụ trong ngành thủy sản (nuôi tôm). Để tiến hành nuôi tôm người nông dân phải sử dụng nước dẫn từ sông vào. Về mặt nguyên tắc, nước là tài nguyên vì vậy họ phải trả phí. Hơn nữa sau khi hoàn tất qui trình nuôi người nông dân lại xả nước ra môi trường bên ngoài và họ phải đảm bảo chất lượng nước xả theo tiêu chuẩn. Vấn đề là ở chỗ để có được chất lượng nước theo tiêu chuẩn người nông dân phải mua thiết bị rất cao. Có thể nói là những khoản chi phí môi trường này không hề rẻ và sẽ ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của các doanh nghiệp SMEs.

THẢO LUẬN:

Mở đầu phần thảo luận, một giảng viên của trường Đại học Mở đưa ra câu hỏi là liệu TPP có những tác động gì đến ngành bán lẻ của Việt Nam nơi mà đa phần các doanh nghiệp tham gia trong ngành này là những doanh nghiệp SMEs? Ths. Phương Lam cho rằng đây là một câu hỏi khá thú vị vì tỷ trọng của SMEs trong ngành bán lẻ khá nhiều. Ở đây khái niệm nhà bán lẻ được hiểu là những cửa hiệu cung ứng đến người mua cuối cùng. Ở Việt Nam, các cửa hiệu bán lẻ này chủ yếu là những sạp bách hóa, cửa hàng nhỏ có vốn rất thấp từ 70 triệu đến 2 tỷ đồng. Đặc điểm của ngành bán lẻ Việt Nam phân tán, nhỏ lẻ, thiếu tính đoàn kết và thường cạnh tranh giữa các đơn vị bán lẻ với nhau. Điều này sẽ tạo lợi thế cho các nhà cung cấp, đặc biệt là nhà cung cấp nước ngoài. Ví dụ như trường hợp trong ngành sữa Việt Nam. Sữa Enfa của Mead Johnson hay Similac của Abbott trong một thời gian đã có sự tăng giá nhanh chóng. Trong giai đoạn tăng giá cao thì Bộ Công thương có tham gia điều tiết cũng không thể ngăn chặn đà tăng giá của các công ty sữa này. Phản ứng với việc tăng giá trên, Coop Mart tuyên bố không trưng bày 02 nhãn hiệu sữa trên có dấu hiệu tăng giá vô lý gây ảnh hưởng đến người dân. Tuy nhiên, chính sách này chỉ áp dụng được hơn 1 tháng và giá sữa vẫn tăng. Như vậy có thể thấy sức mạnh thương thuyết của Co-opMart chưa đủ mạnh. Điều này đặt ra vấn đề là chỉ Coop Mart là không đủ mà còn phải tập hợp và hàng ngàn nhà bán lẻ nhỏ của Việt Nam thì mới có thể tạo ra sức mạnh thương lượng với nhà cung cấp. Nếu tình trạng này vẫn tiếp tục thì các doanh nghiệp nước ngoài hiện đang giữ vai trò thống trị. Như vậy các chính sách liên quan như giá cả và chiết khấu đều do nhà cung cấp quyết định. Về lâu dài, nếu họ xây dựng được hệ thống phân phối của riêng họ thì sẽ rất khó khăn cho các SMEs và người dân Việt Nam.

Nối tiếp phần thảo luận về lĩnh vực bán lẻ, một giảng viên khác của Khoa Quản trị Kinh doanh của Trường đại học Mở cũng nêu lên thắc mắc là các doanh nghiệp SMEs trong ngành dịch vụ sẽ có khó khăn gì khi Việt Nam gia nhập TPP? Về dịch vụ thì các nước phát triển trong TPP có ngành dịch vụ phát triển rất tốt, đặc biệt dịch vụ không biên giới như IT, tài chính kế toán. Hiện nay một số công ty nước ngoài đã có văn phòng đại diện ở Việt Nam và khi có đơn hàng thì họ lại chuyển về quốc gia khác. Trong lĩnh vực IT, Ths. Phương Lam cho rằng nếu Việt Nam có tham gia vào thị trường IT thì giá trị gia tăng do Việt Nam tạo ra trong phân khúc này cũng không cao. Các hoạt động chủ yếu là những công việc có tính giản đơn như nhập liệu, các công việc phức tạp hơn như việc lập trình thường các quốc gia khác thực hiện. Ngoài ra, lợi thế của

ngành dịch vụ đôi khi có mối quan hệ khá chặt chẽ với vấn đề cung ứng chuỗi. Một số doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu thì phải chấp nhận một số điều kiện của doanh nghiệp lớn ví dụ doanh nghiệp Việt Nam phải thuê công ty được chỉ định làm giám sát, kiểm định hay trong ngành kiểm toán thì các công ty Việt Nam phải được kiểm định bởi các công ty kiểm toán nước ngoài thì mới tạo được sự tin tưởng. Điều này vô tình trung sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty nước ngoài gia tăng lợi nhuận. Vì vậy, vấn đề ở đây là Việt Nam vẫn đang thiếu doanh nghiệp lớn dẫn dắt.

Nói tiếp phần thảo luận một câu hỏi khác cũng được đặt ra là thế nào là một doanh nghiệp dẫn dắt và các SMEs Việt Nam có điều kiện để trở thành doanh nghiệp dẫn dắt hay không? Theo Ths. Phương Lam để có vai trò dẫn dắt, một doanh nghiệp cần phải hội tụ đủ 2 điều kiện (1) có tỷ lệ thị phần nhất định để có thể gây ảnh hưởng lên thị trường, (2) mạng lưới liên kết rộng nhằm huy động sự đồng thuận thành viên trong chuỗi sản xuất. Dựa trên 2 điều kiện đó thì có thể đưa ra nhận định là SMEs khó có thể thành doanh nghiệp dẫn dắt vì đa phần các SMEs có thị phần tương đối nhỏ. Muốn có một doanh nghiệp dẫn dắt thì ắt hẳn chính phủ phải có chính sách định hướng phù hợp để hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển. Có thể lấy ngành phân phối làm ví dụ điển hình. Trong 10 năm qua, Việt Nam chưa có chiến lược phát triển cho các ngành phân phối. Đa phần hàng hóa Việt Nam chỉ được bán qua các nhà buôn sỉ, Việt Nam chưa xây dựng được kênh phân phối bán lẻ ở các quốc gia khác nên việc am hiểu thị trường còn rất hạn chế. Từ đó cũng gây ra những hạn chế trong việc định hướng cho doanh nghiệp sản xuất trong nước để phục vụ cho thị trường ngoài nước. Trong khi đó, Thái Lan đã làm khá tốt vấn đề này. Thái Lan đã mua lại chuỗi siêu thị ở Việt Nam. Quá trình này sẽ cho người Thái nhanh chóng thiết lập kênh phân phối từ đó hàng hóa Thái Lan sẽ dễ dàng đi vào Việt Nam hơn.

Ngoài ra, một khách mời khác cũng đặt câu hỏi là liệu môi trường sẽ bị tác động như thế nào nếu trong thời gian tới Việt Nam hướng đến nâng cao năng suất lao động trong ngành nông nghiệp? Trả lời cho câu hỏi này, Ths. Phương Lam cho rằng môi trường là một trong tiêu chí quan trọng trong TPP. Các qui định trong TPP sẽ bắt buộc các doanh nghiệp đầu tư vào các thiết bị ít có tác động tiêu cực đến môi trường. Ví dụ như trong lĩnh vực thủy sản, quá trình chế biến phile cá da trơn thường tạo ra những phế phụ phẩm (chủ yếu là thịt vụn, da cá). Thông thường các phế phụ phẩm này sẽ bỏ đi, nếu xử lý không tốt sẽ có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Tuy nhiên, trong ngành chế biến thực phẩm ở Đức hay Phần Lan, phần bỏ đi này sẽ được tập hợp lại và cho

vào 1 thiết bị định hình. Thiết bị này sẽ gom các mảnh thịt lại và tạo thành những miếng cá thành phẩm. Vì đây là miếng cá ghép lại nên giá mềm hơn và phục vụ cho các phân khúc thấp hơn (thức ăn cho gia súc, vật nuôi). Như vậy yếu tố công nghệ này sẽ giúp cho các doanh nghiệp có 2 lợi ích (1) giảm thải các phế phụ phẩm của ngành cá ra môi trường (2) gia tăng năng suất. Trong điều kiện của Việt Nam, hiện tại doanh nghiệp SMEs không đủ vốn để đầu tư cho những máy móc như vậy. Ths. Phương Lam cho rằng để đầu tư một máy yêu cầu mức vốn 6-8 tỷ đồng nhưng với qui mô của doanh nghiệp SMEs Việt Nam không quá 10 tỷ thì không thể nào có thể bỏ ra số tiền như thế được.

Thứ sáu, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Thư ký Seminar

Lương Duy Quang